

Bản án số: 25 /2026/HS-ST
Ngày 30 – 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Triệu Thị Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Văn K (Tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 24/7/1975 tại Thái Nguyên; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lương Anh N và bà Triệu Thị T (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị Q và có 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không có;

- Nhân thân: Ngày 26/01/2026 bị Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.250.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thực hiện ngày 07/01/2026.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2026 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T - Có mặt

- Người chứng kiến:

+ Ông Đào Thế Đ, sinh năm: 1985; nơi cư trú: Xóm T, xã B, tỉnh Thái Nguyên – Vắng mặt;

+ Ông Đào Thế T1, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Xóm T, xã B, tỉnh Thái Nguyên – Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 08/01/2026, tại xóm T, xã B, tỉnh Thái Nguyên, Công an xã B đã phát hiện Lương Văn K có biểu hiện nghi liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra, qua kiểm tra thu giữ trong túi áo khoác bên trái Lương Văn K đang mặc 02 gói giấy bạc màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng (niêm phong theo quy định trong phong bì ký hiệu H1), K khai là ma túy Heroine của K

mua về để sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản quả tang, niêm phong vật chứng thu giữ và đưa K về trụ sở để làm việc.

Cùng ngày, tiến hành mở niêm phong H1 cân xác định tổng khối lượng số chất bột màu trắng có trong 02 gói giấy bạc thu giữ của K có tổng khối lượng 0,293 gam. Lấy toàn bộ niêm phong trong phong bì ký hiệu H2 gửi giám định. Tại kết luận giám định số 207 ngày 16/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Cục chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu H2 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine (H), khối lượng thu giữ ban đầu là 0,293 gam. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Văn K tại xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, kết quả không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì liên quan. Xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu của Lương Văn K bằng que thử ma túy loại AMVI 05 chân, kết quả: Que thử xuất hiện 01 vạch màu đỏ tại cột M, Lương Văn K dương tính với chất ma túy trong cơ thể.

Quá trình điều tra xác định được: Do bản thân nghiện ma túy nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/01/2026, K đi bộ một mình ra đường Q để đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết đến khu vực xã B mục đích để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực ngã ba xóm T, xã B, K xuống xe và đi bộ theo đường bê tông khoảng 200 mét thì gặp và hỏi mua của 01 người không rõ lai lịch địa chỉ 02 gói ma túy heroine với giá 1.000.0000 đồng. Nhận được ma túy, Kim cất vào túi áo khoác bên trái đang mặc rồi đi bộ về thì bị tổ công tác Công an xã B bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên. Ngoài ra, K còn khai nhận đã sử dụng ma túy (heroine) gần nhất ngày 07/01/2026 ở nhà riêng tại xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Vật chứng vụ án gồm: 0.273 gam ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu H2; 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu H1 và 02 mảnh giấy bạc màu trắng được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu H3.

Cáo trạng số 45/CT-VKSKV4 ngày 13/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên truy tố Lương Văn K về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lương Văn K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” sau khi đánh giá, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị:

+ *Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lương Văn K từ 42 đến 48 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Lương Văn K*

+ *Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu H2 bên trong có 0.273 gam ma túy hoàn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H3 bên trong có vỏ bì niêm phong ký hiệu H1 và 02 mảnh giấy bạc màu trắng.*

+ *Về án phí, quyền kháng cáo: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.*

- Bị cáo nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không bào chữa, không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên; Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi và diễn biến sự việc đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người chứng kiến, vật chứng thu giữ, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 12 giờ 30 phút ngày 08/01/2026, tại xóm T, xã B, tỉnh Thái Nguyên, Lương Văn K có hành vi tàng trữ trái phép 0,293 gam ma túy loại Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của Lương Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, hành vi của bị cáo phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

a, ...

c, H, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quyền lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm hình sự khác.

Hành vi của bị cáo cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự để răn đe, cải tạo, giáo dục ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục các cá nhân tổ chức khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Ngày 07/01/2026, bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 26/01/2026 thì bị Công an tỉnh T ra quyết định xử phạt bằng hình thức phạt tiền. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung, tuy nhiên xét thấy việc bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính, bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản để thi hành án. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với vật chứng là 01 bì niêm phong ký hiệu H2 bên trong có 0,273 gam ma túy hoàn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H3 bên trong có vỏ bì niêm phong ký hiệu H1 và 02 mảnh giấy bạc màu trắng xác định là vật cầm tàng trữ, lưu hành, vật chứng không có giá trị gồm do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra xác định được ngày 07/01/2026, Lương Văn K còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà ở thuộc xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra xác định hành vi nêu trên của K không đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 256^a Bộ luật Hình sự. Ngày 26/01/2026, Công an tỉnh T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số đối với hành vi nêu trên của Lương Văn K bằng hình thức phạt tiền 1.250.000 đồng xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nguồn số ma túy thu giữ của Lương Văn K, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo K khai mua của một người đàn ông lạ mặt không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh xử lý.

[7]. Quan điểm truy tố và nội dung luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[8]. Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, pháp luật áp dụng:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn K 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Quyết định tạm giam bị cáo Lương Văn K với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu H2 bên trong có 0,273 g mẫu H2 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu H2; 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu H3, bên trong có vỏ bì niêm phong ký hiệu H1 và 02 mảnh giấy bạc màu trắng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thái Nguyên).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lương Văn K phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, nộp ngân sách Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên (Phòng KV4);
- Bị cáo;
- Lưu HSVA. BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Lý

